

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty nhập khẩu, kinh doanh trang thiết bị y tế

Để có cơ sở xác định giá mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ chuyên môn, Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ kính mời các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp trang thiết bị y tế gửi báo giá trang thiết bị (danh mục chi tiết, cấu hình kỹ thuật chung theo Phụ lục 1) theo các nội dung sau :

1. Yêu cầu chung:

- Báo giá kèm theo catalogue của thiết bị (nếu có);
- Báo giá điền đầy đủ các thông tin theo Mẫu tại Phụ lục 2;
- Đơn giá từng mặt hàng tham gia đã bao gồm: Thuế, phí các loại và các chi phí khác;
- Trang thiết bị y tế chào giá đã có giá kê khai và giá kê khai còn hiệu lực trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế;
- Báo giá do đại diện hợp pháp của đơn vị ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức danh người ký, chữ ký trên báo giá là chữ ký trực tiếp (không sử dụng chữ ký đóng dấu), trường hợp báo giá có nhiều trang thì đóng dấu giáp lai các trang.

2. Thời gian nhận báo giá: Trước 16 giờ 00 phút ngày 16 tháng 5 năm 2023

Báo giá có thể nộp trực tiếp hoặc gửi về Bệnh viện (Địa chỉ: 32 Nơ Trang Long, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk) hoặc đơn vị có thể gửi bản scan Báo giá qua email: tothaubvbh@gmail.com và gửi bản chính cho Bệnh viện qua đường bưu điện

Nơi nhận: *Kang*

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Xuân Lộc

Phụ lục 1



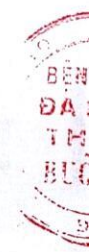
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ

Kèm theo Thư mời báo giá số 53 /TM-BV ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ

Stt	Tên tài sản	Cấu hình kỹ thuật chung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy phân tích huyết học tự động	<p>Cấu hình kỹ thuật</p> <p>Thiết bị có xuất xứ từ các nước thuộc nhóm G7</p> <p>Hàng mới 100%, sản xuất năm 2017 trở về sau</p> <p>Hãng sản xuất đạt một trong các tiêu chuẩn quốc tế: ISO 9001, ISO 13485, DIN. Thiết bị đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: EC, IEC, EN, FDA (đối với các thiết bị y tế) hoặc tương đương</p> <p>Thiết bị đã được nhiệt đới hóa</p> <p>Cung cấp bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Máy chính và phụ kiện lắp đặt2. Máy tính, màn hình cảm ứng màu đa điểm và phần mềm chính hãng được tích hợp trên máy chính3. Máy in Laser trắng đen (tùy chọn)4. Lưu điện UPS (tùy chọn)5. Đầu đọc mã vạch cầm tay6. Tài liệu hướng dẫn sử dụng: Tiếng Việt: 01 bộ7. Tài liệu hướng dẫn sử dụng: Tiếng Anh: 01 bộ8. Bộ hóa chất vận hành thử máy ban đầu: 01 bộ <p>Nguyên lý đo:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Phương pháp đếm tế bào dòng chảy huỳnh quang sử dụng laser bán dẫn (WBC, DIFF)2. Phương pháp trở kháng sử dụng dòng điện một chiều tập trung dòng chảy động học (RBC, PLT, HCT)3. Phương pháp SLS-hemoglobin không sử dụng Cyanide (đo HGB) <p>Chế độ hút mẫu:</p>	Cái	1

Stt	Tên tài sản	Cấu hình kỹ thuật chung	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>Chế độ chạy thủ công ống nắp mở</p> <p>Công suất:</p> <p>CBC: 60 mẫu/giờ</p> <p>CBC+DIFF: 60 mẫu/giờ</p> <p>Thẻ tích hút mẫu:</p> <p>Chế độ máu toàn phần: 25 μl</p> <p>Chế độ tiền pha loãng: 70 μl</p> <p>Quản lý hóa chất:</p> <p>Hệ thống quản lý hóa chất hiệu quả với cực năng hiển thị số xét nghiệm còn tồn và hạn dùng hóa chất để theo dõi hiệu quả sử dụng</p> <p>Thông số phân tích:</p> <p>28 thông số báo cáo cho cả hai chế độ phân tích máu toàn phần và tiền pha loãng, gồm: WBC, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, PLT, RDW-SD, RDW-CV, PDW, MPV, P-LCR, PCT, NEUT#, LYMPH#, MONO#, EO#, BASO#, NEUT%, LYMPH%, MONO%, EO%, BASO%, IG#, IG%, MicroR, MacroR.</p> <p>Hiển thị biểu đồ phân bố RBC và PLT; biểu đồ tán xạ WBC và DIFF</p> <p>Giới hạn hiển thị:</p> <p>WBC: 0.0 đến 999.99 x 10³/μl</p> <p>RBC: 0.00 đến 99.99 x 10⁶/μl</p> <p>HGB: 0.0 đến 30.0 g/dl</p> <p>HCT: 0.0 đến 100.0%</p> <p>PLT: 0 đến 9999 x 10³ /ml</p> <p>6 thành phần bạch cầu:</p> <p>NEUT#, LYMPH#, MONO#, EO#, BASO#, IG#: 0.00 đến 999.99 x 10³</p> <p>NEUT%, LYMPH%, MONO%, EO%, BASO%, IG%: 0.0 đến 100.0%</p> <p>Độ tuyến tính:</p> <p>"WBC: Trong khoảng \pm3% hoặc \pm0.30 x 10³/μL (0.00 đến 100.00 x 10³/μL)</p>		

Stt	Tên tài sản	Cấu hình kỹ thuật chung	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>Trong khoảng $\pm 6\%$ (100.01 đến 310.00 x 10³/μL) Trong khoảng $\pm 11\%$ (310.01 đến 440.00 x 10³/μL)"</p> <p>"RBC: Trong khoảng $\pm 2\%$ hoặc ± 0.03 x 10⁶/μL (0.00 đến 8.00 x 10⁶/μL) Trong khoảng $\pm 4\%$ hoặc ± 0.06 x 10⁶/μL (8.01 đến 8.60 x 10⁶/μL)"</p> <p>HGB: Trong khoảng $\pm 2\%$ hoặc ± 0.2 g/dL (0.0 đến 26.0 g/dL) HCT: Trong khoảng $\pm 3\%$ hoặc ± 1.0 HCT (0.0 đến 75.0%) "PLT: Trong khoảng $\pm 5\%$ hoặc ± 10 x 10³/μL (0 đến 1000 x 10³/μL) Trong khoảng $\pm 6\%$ (1001 đến 5000 x 10³/μL)"</p> <p>"NEUT#, LYMPH#, MONO#, EO#, BASO#, IG#: Trong khoảng $\pm 3\%$ hoặc ± 0.30 x 10³/μL (0.00 đến 100.00 x 10³/μL) Trong khoảng $\pm 6\%$ (100.01 đến 310.00 x 10³/μL) Trong khoảng $\pm 11\%$ (310.01 đến 440.00 x 10³/μL)"</p> <p>Độ lặp lại: WBC: 3% hoặc thấp hơn (4.00 x 10³/μL hoặc hơn) RBC: 1.5% hoặc thấp hơn (4.00 x 10⁶/μL hoặc hơn) HGB: 1.5% hoặc thấp hơn HCT: 1.5% hoặc thấp hơn MCV: 1.5% hoặc thấp hơn MCH: 2.0% hoặc thấp hơn MCHC: 2.0% hoặc thấp hơn PLT: 4.0% hoặc thấp hơn (100 x 10³/μL hoặc hơn) RDW-SD: 3.0% hoặc thấp hơn RDW-CV: 3.0% hoặc thấp hơn MicroR: 18% hoặc thấp hơn, hoặc trong khoảng ± 1.0 MicroR MacroR: 18% hoặc thấp hơn, hoặc trong khoảng ± 1.0 MicroR PDW: 10.0% hoặc thấp hơn MPV: 4.0% hoặc thấp hơn</p>		

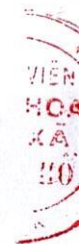


Stt	Tên tài sản	Cấu hình kỹ thuật chung	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>P-LCR: 18.0% hoặc thấp hơn PCT: 6.0% hoặc thấp hơn NEUT#: 8.0% hoặc thấp hơn (1.20 x 10³/μL hoặc hơn) LYMPH#: 8.0% hoặc thấp hơn (0.60 x 10³/μL hoặc hơn) MONO#: 20.0% hoặc thấp hơn (0.20 x 10³/μL hoặc hơn) EO#: 25.0% hoặc thấp hơn, hoặc trong khoảng ±0.12 x 10³/μL BASO#: 40.0% hoặc thấp hơn, hoặc trong khoảng ±0.06 x 10³/μL NEUT%: 8.0% hoặc thấp hơn (30.0 NEUT% hoặc hơn, WBC 4.00 x 10³/μL hoặc hơn) LYMPH%: 8.0% hoặc thấp hơn (15.0 LYMPH% hoặc hơn, WBC 4.00 x 10³/μL hoặc hơn) MONO%: 20.0% hoặc thấp hơn (5.0 MONO% hoặc hơn, WBC 4.00 x 10³/μL hoặc hơn) EO%: 25.0% hoặc thấp hơn, hoặc trong khoảng ±1.5 EO% (WBC 4.00 x 10³/μL hoặc hơn) BASO%: 40.0% hoặc thấp hơn, hoặc trong khoảng ±1.0 BASO% (WBC 4.00 x 10³/μL hoặc hơn) IG#: 25.0% hoặc thấp hơn, hoặc trong khoảng ±0.12 x 10³/μL (IG# 0.10 x 10³/μL hoặc hơn) IG%: 25.0% hoặc thấp hơn, hoặc trong khoảng ±1.5 IG% (2.0 IG% hoặc hơn, WBC 4.00 x 10³/μL hoặc hơn) Lưu trữ dữ liệu: Dữ liệu mẫu phân tích: 100,000 kết quả Dữ liệu bệnh nhân: 10,000 lượt thông tin bệnh nhân Dữ liệu quản lý chất lượng: 99 tập tin QC (300 điểm dữ liệu trên mỗi tập tin) Lịch sử thay hóa chất: 5,000 báo cáo Lịch sử bảo trì: 5,000 báo cáo Môi trường hoạt động: Nhiệt độ xung quanh: 15°C đến 35°C</p>		

Stt	Tên tài sản	Cấu hình kỹ thuật chung	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>Độ ẩm tương đối: 20% đến 85%</p> <p>Áp suất khí quyển: 70 đến 106 kPa</p> <p>Điều kiện bảo quản:</p> <p>Nhiệt độ xung quanh: -10°C đến 60°C;</p> <p>Độ ẩm tương đối: 10% đến 95%</p> <p>Áp suất khí quyển: 70 đến 106 kPa</p> <p>Điện năng:</p> <p>100V đến 240V AC (50 / 60 Hz)</p> <p>Chế độ kiểm tra tự động khi bật máy:</p> <p>Máy tự động thực hiện kiểm tra hệ thống cơ khí, hệ thống thủy lực, nhiệt độ và tự động chạy trắng ngay sau khi khởi động máy giúp phát hiện các sự cố của máy so với các tiêu chuẩn cần thiết, đảm bảo cho máy hoạt động ở điều kiện tiêu chuẩn. Nếu có lỗi xảy ra trong quá trình kiểm tra, máy sẽ hiển thị các lỗi và hướng dẫn giúp người vận hành dễ dàng kiểm tra lại nguyên nhân gây lỗi và cách khắc phục.</p> <p>Chế độ tự động làm sạch khi tắt máy:</p> <p>Máy tự động làm sạch toàn bộ hệ thống hút mẫu, dây dẫn mẫu và các buồng đo bằng dung dịch rửa khi thực hiện quy trình tắt máy, để tránh hiện tượng lắng đọng muối và các thành phần khác trong máu gây tắc nghẽn.</p> <p>Chế độ phân tích:</p> <p>Chế độ phân tích máu toàn phần</p> <p>Chế độ phân tích máu tiền pha loãng</p> <p>Cả hai chế độ đều có cùng thông số báo cáo, phân tích 6 thành phần Bạch cầu (bao gồm Bạch cầu hạt chưa trưởng thành - IG mà không cần dùng thêm hóa chất), sử dụng được cho cả ống mẫu thường quy và ống mẫu nhi (micro collection tube).</p> <p>Phần mềm diệt virus:</p> <p>Máy đã được cài sẵn phần mềm diệt virus</p> <p>Đáp ứng nhu cầu kết nối mạng:</p>		

Stt	Tên tài sản	Cấu hình kỹ thuật chung	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>Máy có thể kết nối với hệ thống mạng lưới thông tin của chính hãng (SNCS) để hỗ trợ chạy ngoại kiểm thời gian thực</p> <p>Kết nối với máy tính chủ, mạng LIS</p>		
2	Dao mổ điện cao tần	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p>Tần số chính: 400, 482 KHz \pm 10%</p> <p>Tốc độ lặp lại: 33 KHz \pm 10%</p> <p>Dòng rò cao tần: dưới 150 mA</p> <p>"Dòng rò tần số thấp:</p> <p>Có dây mass đất cho bệnh nhân: dưới 0.01 mA</p> <p>Bộ máy được nối mass đất: dưới 0.01 mA"</p> <p>Nguồn điện: 120/230V (\pm 10%), 50/60Hz</p> <p>Công suất tiêu thụ: 950 VA</p> <p>Kích thước (cao x rộng x sâu) 147 x 330 x 417 mm</p> <p>Trọng lượng: 16kg</p> <p>Chế độ cắt đơn cực thuần: Công suất tối đa 400W, tải 500 Ω</p> <p>Chế độ cắt đơn cực hỗn hợp 1: Công suất tối đa 320W, tải 300 Ω</p> <p>Chế độ cắt đơn cực hỗn hợp 2: Công suất tối đa 240W, tải 300 Ω</p> <p>Chế độ cắt đơn cực hỗn hợp 3: Công suất tối đa 160W, tải 300 Ω</p> <p>Chế độ cầm máu đơn cực cường bức: Công suất tối đa 120W, tải 300 Ω</p> <p>Chế độ cầm máu đơn cực mềm: Công suất tối đa 120W, tải 500 Ω</p> <p>Chế độ cầm máu đơn cực phun: Công suất tối đa 100W, tải 500 Ω</p> <p>Chế độ lưỡng cực tiêu chuẩn: Công suất tối đa 100W, tải 100 Ω</p> <p>Chế độ lưỡng cực mềm: Công suất tối đa 80W, tải 100 Ω</p> <p>Chế độ lưỡng cực cắt: Công suất tối đa: 100W, tải 200 Ω</p> <p>Cấu hình thiết bị:</p> <p>Cấu hình chính: 01 máy chính</p> <p>- Phụ tùng:</p>	Cái	1

Stt	Tên tài sản	Cấu hình kỹ thuật chung	Đơn vị tính	Số lượng
		01 công tắc chân đôi 01 cáp kết nối Bipolar 01 công tắc chân đơn 01 cáp kết nối điện cực bệnh nhân 01 dao đốt đơn cực sử dụng một lần 01 kẹp lưỡng cực (310-160), 1mm, Bayonet Sharp) 05 điện cực 05 tấm điện cực bệnh nhân đôi sử dụng một lần		
3	Máy siêu âm Doppler màu 4D, 4 đầu dò	I/ YÊU CẦU CHUNG: - Máy mới 100% . - Điện nguồn: 100~240VAC , 50/60Hz II/ CẤU HÌNH (cho mỗi máy): - Máy chính bao gồm màn hình gắn trên thân máy: 01 bộ, bao gồm : - Màn hình - Phần mềm tiêu chuẩn theo máy - Đầu dò tuyến tính L442: 01 chiếc - Đầu dò tim S211: 01 chiếc - Đầu dò Cong C251: 01 chiếc - Đầu dò khối 3D (4D) VC35: 01 chiếc - Phần mềm 3D thời gian thực: 01 phần mềm - Phần mềm xem toàn cảnh (Panoramic View): 01 phần mềm - Phần mềm kết nối DICOM: 01 phần mềm - Phần mềm phân tích TDI: 01 phần mềm - Phần mềm đo bề dày nội trung mạc (IMT) tự động: 01 phần mềm - Phần mềm CW: 01 phần mềm - Phần mềm đo độ mờ da gáy tự động : 01 phần mềm - Phần mềm tự động đo các thông số trong sản: 01 phần mềm	Cái	1



Stt	Tên tài sản	Cấu hình kỹ thuật chung	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm tự động đo các thông số trong tim: 01 phần mềm - Phần mềm phát hiện chuyển động dòng: 01 phần mềm - Phần mềm hiển thị hình ảnh chiếu chậm (Dynamic Slow-motion): 01 phần mềm - Phụ kiện: <ul style="list-style-type: none"> + Máy in nhiệt trắng đen: 01 cái + Bộ máy vi tính cài đặt phần cứng và phần mềm trả kết quả siêu âm: 01 bộ + Máy in phun màu: 01 cái + Bộ lưu điện UPS online 2kVA: 01 bộ + Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ <p>III/ YÊU CẦU CHỈ TIÊU KỸ THUẬT</p> <p>1. Thông tin chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng hình ảnh hàng đầu thế giới - Có đầy đủ các chức năng cao cấp có thể mua nâng cấp: SA đàn hồi mô, Đo độ tương phản âm học (Harmonic)... - Các phím chức năng bố trí thông minh, dễ dàng sử dụng - Có các loại đầu dò chuyên biệt cho từng ứng dụng khác nhau: Convex, Linear, Âm đạo, Trực tràng, Nội soi... - Màn hình hiển thị: 21.5 inch độ phân giải Full HD (1920x1080), màn hình có thể xoay nhiều hướng khác nhau - Màn hình điều khiển: màn hình LCD màu cảm ứng 10.1 inch - Khớp nối màn hình có thể xoay 360°: Tối ưu góc nhìn và khoảng cách tốt nhất đáp ứng các yêu cầu thăm khám đa dạng. - Thay đổi chiều cao bảng điều khiển, có thể nâng lên hoặc hạ xuống ở vị trí phù hợp, giúp tối ưu công việc thăm khám. - Thay đổi chiều cao bảng điều khiển, có thể nâng lên hoặc hạ xuống ở vị trí phù hợp, giúp tối ưu công việc thăm khám. <p>2. Đầu dò Linear với dải tần rộng L442</p>		

Stt	Tên tài sản	Cấu hình kỹ thuật chung	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ rộng băng tần : 2 – 12,0 MHz - Ứng dụng: Khám ngực, dây thần kinh, mạch máu, phần nông, cơ xương khớp, bộ phận nhỏ (ngực, tuyến giáp, tinh hoàn..) 3. Đầu dò Sector với dải tần số rộng S211 <ul style="list-style-type: none"> - Độ rộng băng tần: 1 - 5,0 MHz - Ứng dụng khám bụng, tim người lớn, tim nhi,.. 4. Đầu dò Convex với dải tần rộng C251 <ul style="list-style-type: none"> - Độ rộng băng tần: 1- 5,0 MHz. - Ứng dụng khám bụng tổng quát, sản, phụ khoa, bộ phận nhỏ (ngực, tuyến giáp, tinh hoàn..) 5. Đầu dò 4D băng tần rộng VC35 <ul style="list-style-type: none"> - Độ rộng băng tần: 2 - 8,0 MHz - Ứng dụng siêu âm 3D thời gian thực (4D) 		





Phụ lục 2

MẪU BÁO GIÁ

Kèm theo Thư mời báo giá số 53 /TM-BV ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ

- Tên Công ty:
- Địa chỉ:
- Ngày ... tháng ... năm 2023

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ

Căn cứ Thư mời báo giá số /BV-TM ngày tháng 5 năm 2023 của Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ, chúng tôi xin gửi Báo giá trang thiết bị như sau:

Stt	Tên tài sản	Tên thương mại - Model	Năm sản xuất	Hãng Nước SX	Hãng - Nước chủ sở hữu	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kê khai	Mã kê khai	Đơn giá chào	Thành tiền
1												
2												
...												
Tổng cộng												
Số tiền bằng chữ												

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)